| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số 122/2017/DS-PT
Ngày 14 - 12 - 2017
V/v: T/c *"Hợp đồng vay tài sản"*
và *"Hợp đồng mua bán tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đoàn Ngọc Thiện

*Các thẩm phán*: Ông Trương Văn Tâm

Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Thiên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2017/TLPT-DS ngày 18/4/2017 Tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" và "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 07/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐPT- DS ngày 16/6/2017; Quyết định tạm đình chỉ số 11/2017/QĐPT-DS ngày 02/8/2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vũ án dân sự số 03/2017/QĐPT-DS ngày 05/12/2017; Thông báo mở lại phiên tòa số 94/2017/QĐPT-DS ngày 05/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Hoàng Minh N, sinh năm 1968;

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973;

Trú cùng địa chỉ: Số M đường N, tổ O, Khu phố P, thị trấn R, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông Nghĩa: Bà Phạm Thị T (Vợ), theo văn bản ủy quyền không số, ngày 09/9/2016.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975;

Trú cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà T, ông N và ông C, bà H có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Minh N, bà Phạm Thị T trình bày như sau:*

1. Về hợp đồng vay tài sản:

- Ngày 17/6/2014 Ông, Bà cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000đồng. Khi vay tiền, họ đã xác nhận vào cuốn sổ của Ông, Bà. Để đảm cho bảo khoản vay, họ đã giao cho Ông, Bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 589772 cấp ngày 09/4/2010 đứng tên ông C và bà H.

- Ngày 19/7/2014, bà H tiếp tục vay của Ông, Bà thêm 10.000.000 đồng. Lúc này bà H là người nhận tiền và viết vào sổ của Ông, Bà.

- Ngày 03/8/2014, ông C và bà H vay của Ông, Bà thêm 10.000.000 đồng. Lúc này có cả ông C và bà H cùng xác nhận và ký tên vào sổ của Ông, Bà.

Khi cho vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng (thỏa thuận miệng, không làm văn bản).

Ông C và bà H đã trả cho Ông, Bà tổng số tiền lãi là 11.700.000 đồng. Kể từ tháng 3/2015 đến nay ông C và bà H không thực hiện việc trả tiền lãi.

Nay Ông, Bà yêu cầu ông C, bà H có nghĩa vụ trả nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ tháng 3/2015 đến ngày 6/3/2017, theo lãi suất 9%/năm.

2. Về hợp đồng mua bán tài sản:

Từ năm 2014 đến 2015, ông C và bà H có mua thực phẩm cám để nuôi vịt (Còn gọi là cám vịt) của Ông, Bà nhiều lần với tổng số tiền là 188.600.000 đồng. Ông C và bà H đã trả nhiều lần tổng số tiền 100.000.000đồng.

Đến ngày 02/3/2015, bà H có ghi xác nhận: "Tổng số tiền mua cám vịt còn thiếu của bà T, ông N là 88.600.000 đồng" nhưng sau đó, ông C và bà H không trả tiền, mặc dù Ông, Bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay, Ông, Bà yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ do mua thực phẩm cám gia cầm là: 88.600.000đồng.

Khi trả hết nợ thì Ông, Bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho vợ chồng ông C và bà H.

*- Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H trình bày:

+ Vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông N, bà T số tiền 50.000.000đ như bà T trình bày.

+ Còn số tiền thực phẩm cám nuôi vịt mà bà H viết và ký tên trong sổ của ông N, bà T với nội dung: "Hiệp có nợ tiền cám vịt số tiền là 88.600.000 đồng là Bà chỉ viết theo yêu cầu của bà T. Bà T là người đọc cho bà viết, còn việc mua cám giữa ông C và bà T, ông N như thế nào thì Bà không biết.

2. Ông Nguyễn Văn C trình bày:

+ Ông xác nhận có vay của bà T và ông N số tiền 50.000.000 đồng như bà T trình bày.

+ Ông xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng.

+ Ông xác định là đã trả cho bà T, ông N 11.700.000 đồng, nhưng bên cho vay không trừ vào gốc mà trừ vào tiền lãi.

+ Ông đã mua cám thực phẩm nuôi vịt của bà T và ông N số tiền là 100.000.000 đồng, nhưng Ông đã trả đủ số tiền này cho bà T và ông N. Bà H không biết gì về việc mua thực phẩm gia cầm giữa Ông và bà T, ông N. Ngoài ra Ông có trả lại 60 bao thực phẩm gia cầm cho bà T nhưng không được tính trừ tiền.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 07/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện X đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T.

- Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T các khoản nợ như sau:

+ Nợ do mua thực phẩm cho gia cầm còn thiếu là: 88.600.000 đồng;

+ Nợ gốc do vay tiền là: 42.462.500 đồng.

+ Nợ lãi của số tiền nợ gốc là: 7.855.562 đồng.

- Ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 589772 do UBND huyện X cấp ngày 09/4/2010 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T đòi ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông N và bà T số tiền 7.537.500 đồng.

Ngày 17/3/2017, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về các nội dung sau:

- Lãi suất hai bên thỏa thuận khi vay tiền là 4%/tháng.

- Ông, Bà đã trả tiền vay gốc cho bà T, ông N 11.700.000 đồng, nhưng bên cho vay không trừ vào gốc mà trừ vào tiền lãi.

- Ông, Bà đã mua thực phẩm cám nuôi vịt của bà T và ông N với tổng số tiền 100.000.000 đồng và đã trả đủ số tiền này. Bà H không biết gì về việc mua thực phẩm gia cầm giữa ông C và bà T, ông N. Việc xác nhận còn nợ 88.600.000đồng là bà H bị bà T lừa ghi theo yêu cầu của bà T.

- Ông C có trả lại 60 bao thực phẩm cám gia cầm (Cám vịt lớn) cho bà T do cám giả nhưng không được tính trừ tiền nợ mua cám.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/6/2017, bị đơn yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông C trong các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại bút lục số 26, 27 và 28 trong hồ sơ vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận trả số tiền nợ vay là 50.000.000đồng.

Các bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bị đơn yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông C trong các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại bút lục số 26, 27 và 28 trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thực hiện theo yêu cầu. Kết quả giám định cho thấy: Chữ viết "Thiếu cám", "Trả 50 triệu" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 do cùng một người viết ra. Chữ ký phía dưới chữ "Thiếu cám" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M4 do cùng một người ký ra, nên có đủ căn cứ kết luận về số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn theo đơn khởi kiện là đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và áp dụng Khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng của vụ án:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và tiền mua cám chăn nuôi, nên xác định quan hệ tranh chấp cần được giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Các đương sự đều cư trú tại huyện X, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện X.

[1.3] Đương sự trong vụ án được xác định:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung tranh chấp và đơn kháng cáo:

[2.1] Về "Hợp đồng vay tài sản":

Căn cứ chứng từ do nguyên đơn cung cấp và theo sự thừa nhận của các bên đương sự, nhận thấy:

+ Trong các ngày 17/6/2014, ngày 19/7/2014 và ngày 03/8/2014 bà T, ông N cho ông C, bà H vay tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng.

Khi vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng, hai bên đã thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, còn bị đơn lại cho rằng lãi suất là 4%/tháng. Như vậy, việc cho vay tiền có trả lãi là có thật, nhưng do hai bên không thống nhất được mức lãi suất cũng như không chứng minh được đã trả đủ tiền lãi. Nếu căn cứ mức lãi suất 3%/tháng theo trình bày của nguyên đơn thì cao hơn mức quy định của pháp luật. Căn cứ mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm thì các đương sự chỉ được thỏa thuận lãi suất không vượt quá 150% của mức lãi suất này (không vượt quá 13,5%/năm). Do đó cần điều chỉnh lại mức lãi suất là 13,5%/ năm để tính lãi kể từ tháng 6/2014 đến 2/2015 như sau:

- Lãi của số tiền 30.000.000 đồng trong 8 tháng là: 2.700.000đ. (30.000.000 đồng x 13,5%/năm : 12 tháng x 8 tháng = 2.700.000 đồng)

- Lãi của số tiền 10.000.000 đồng trong 7 tháng là: 787.500đ.

- Lãi của số tiền 10.000.000 đồng trong 6 tháng là: 675.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi các bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến tháng 2/2015 tổng cộng là: 4.162.500 đồng.

Nguyên đơn thừa nhận, trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay kể từ tháng 6/2014 đến 2/2015 bị đơn đã thanh toán nhiều lần tiền lãi, tổng cộng là 11.700.000 đồng là trả dư số tiền 7.537.500đồng (11.700.000 đồng - 4.162.500 đồng). Số tiền 7.537.500 đồng phải được trừ vào tiền nợ gốc. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 42.462.500 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả lãi của số tiền gốc 42.462.500 đồng cho nguyên đơn theo mức lãi suất 9%/năm kể từ tháng 3/2015 đến 7/3/2017 là 740 ngày. Như vậy, tiền lãi mà bên vay phải thanh toán là 7.855.562 đồng

(42.462.500đ x 9%/năm:12 tháng : 30 ngày x 740 ngày = 7.855.562 đồng)

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để buộc ông C, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông N, bà T số tiền nợ gốc 42.462.500đồng và nợ lãi 7.855.562đồng.

Bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền lãi và yêu cầu không tính lãi của số tiền vay kể từ năm 2015, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không được chấp nhận.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 7.537.500 đồng như đã phân tích ở phần trên.

Khi vay tiền, ông C và bà H giao cho bà T, ông N giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 589772 cấp ngày 09/4/2010 đứng tên ông C và bà H. Bà T, ông N có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận nêu trên cho ông C và bà H.

[2.2] Đối với "Hợp đồng mua bán tài sản" là cám chăn nuôi gia cầm: Nhận thấy, trong năm 2014, ông C và bà H có mua thực phẩm cám để chăn nuôi gia cầm của bà T, ông N nhiều lần và đã thanh toán được một số lần tiền. Tính đến ngày 24/10/2014 thì tổng số tiền cám còn nợ là 182.600.000đồng (Bút lục số: 26). Tuy nhiên, do có một số cám bị kém chất lượng nên ông C, bà H đã trả lại 59 bao trị giá 14.750.000đồng, nên tính đến thời điểm ngày 24/10/2014 số nợ cám còn lại là 168.100.000đồng (Bút lục số: 26). Tuy nhiên, ngày 27/10/2014 ông C đã nhận lại 59 bao cám Vina khác thay cho 59 bao đã trả ngày 24/10/2014, điều này thể hiện tại sổ của nguyên đơn cung cấp có nội dung: "Anh có lấy lại 59 bao Vna = 14.750.000đ + H thiếu 6.000.000đ = 20.750.000đ. Trả 50 triệu. Ký tên: Nguyễn Văn C" (Bút lục số: 26). Cũng tại giấy ghi nợ và vay tiền, trả tiền ngày 27/10/2014 thể hiện việc bà T đã cộng số là 167.850.000đ + 20.750.000đ = 188.600.000đ (Bút lục số: 26).

Lấy 188.600.000đ - 50.000.000đ (Ông C trả cùng ngày đối chiếu sổ 27/10/2014) = 138.600.000đ (Số tiền còn nợ).

Ngày 15/11/2014, ông C, bà H và con gái thanh toán tiếp 50.000.000đồng cho bà T tại ngã tư cổng Bệnh viện.

Như vậy, 138.600.000đ (Số tiền còn nợ) tính đến ngày 27/10/2014 do ông C ký xác nhận - 50.000.000đồng (Trả ngày 15/11/2014) = 88.600.000đ (Số tiền còn nợ tính đến ngày 15/11/2014).

Ngày 02/3/2015, bà H xác nhận còn nợ tiền cám vịt là 88.600.000đồng và ký tên vào sổ của bà T là hoàn toàn hợp lý và có căn cứ. Việc các bị đơn cho rằng bà T lừa bà H viết nội dung xác nhận nêu trên trong khi bà H không biết gì về giao dịch mua bán cám với bà T là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngày 19/5/2014 bà H xác nhận trong sổ của bà T với nội dung: "Em H C có mua của chị T cám vịt 50 bao vỗ béo ViNa. Ký tên người lấy: Nguyễn Thị H" (Bút lục số: 27). Như vậy, bị đơn cho rằng bà H không tham gia giao dịch và không biết số tiền còn nợ cám hay không mà bị lừa cũng như lý luận cho rằng đã trả hết tiền nợ mua cám mà không có chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, ngày 17/6/2014 ông H, bà C vay 30.000.000đồng; ngày 19/7/2014 vay tiếp 10.000.000đồng; ngày 03/8/2014 vay tiếp 10.000.000đồng, tổng cộng là 50.000.000đồng các bên cũng đều thừa nhận là chưa trả. Ngày 27/10/2014 trả

50.000.000đồng và ngày 15/11/2014 trả 50.000.000đồng tiền cám là hoàn toàn đúng với diễn biến của mối quan hệ nợ tiền của hai bên mà không ai lừa dối ai như bị đơn trình bày.

Ông C cho rằng đã trả lại 59 bao cám nhưng bà T không trừ số tiền này là không có cơ sở. Bởi lẽ, ngày 24/10/2014 ông Trả lại 59 bao cám Vina trị giá 14.750.000đồng, nhưng ngày 27/10/2014 ông C đã nhận lại 59 bao cám Vina khác thay cho 59 bao đã trả ngày 24/10/2014, điều này thể hiện tại sổ của nguyên đơn cung cấp có nội dung: "Anh có lấy lại 59 bao Vna = 14.750.000đ + H thiếu 6.000.000đ = 20.750.000đ. Trả 50 triệu. Ký tên: Nguyễn Văn C" (Bút lục số: 26).

Ngày 26/6/2017, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông C trong các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại bút lục số 26, 27 và 28 trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thực hiện theo yêu cầu. Kết quả giám định cho thấy: Chữ viết "Thiếu cám", "Trả 50 triệu" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 do cùng một người viết ra. Chữ ký phía dưới chữ "Thiếu cám" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M4 do cùng một người ký ra, nên có đủ căn cứ kết luận về số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn theo đơn khởi kiện là đúng, cần được chấp nhận.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã buộc ông C, bà H và có nghĩa vụ thanh toán cho ông N, bà T số tiền mua cám thực phẩm gia cầm còn thiếu nợ 88.600.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ theo quy định.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên có đủ căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về lãi suất do chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án có sự thay đổi của pháp luật, nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp mà không cần thiết phải sửa án sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các điều 428, 438, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" và "Hợp đồng mua bán tài sản";

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T các khoản nợ như sau:

+ Nợ do mua thực phẩm cám gia cầm còn thiếu là: 88.600.000 đồng (Tám mươi tám triệu, sáu trăm ngàn) đồng;

+ Nợ số tiền vay gốc là: 42.462.500 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

+ Nợ tiền lãi của số tiền vay gốc là: 7.855.562 đồng (Bảy triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi hai) đồng.

- Ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 589772 do UBND huyện X cấp ngày 09/4/2010 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ông, Bà số tiền 7.537.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành còn phải trả cho người được thi hành một khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về chi phí giám định: Hết 3.000.000đồng, Ông Nguyễn Văn C phải chịu toàn bộ (Ông C đã nộp đủ).

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu 6.945.900 đ (Sáu triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm) đồng.

- Ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T phải chịu 376.000 đồng (Tính tròn số), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.465.000 đồng theo biên lai thu tiền số 02987 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Hoàn trả lại cho ông Hoàng Minh N và bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí còn dư là 3.089.000 đ (Ba triệu, không trăm tám mươi chín ngàn) đồng (Tính tròn số).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng; cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai

thu tiền số 0006271 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy, bị đơn đã nộp đủ.

( Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ( Ngày 14/12/2017 ).

*** *Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh BR-VT**;**
-TAND H. X;
- VKSND H. X**;**
- Chi cục THA-DS H. X**;**
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(Đã ký)***

**Đoàn Ngọc Thiện**